CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-4.8%**

DT thuần
Q2/25
4.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.14| -20.4%
YoY: ▲ 3.09| 226%

LN thuần
Q2/25
0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.15| -67.2%
YoY: ▲ 5.37| 101%

LN sau thuế
Q2/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.13| -70.7%
YoY: ▲ 5.35| 101%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
1.6%
YoY: +/-▼ 2.4%

ROE (TTM)
Q2/25
18.8%
YoY: +/-▲ 13.6%

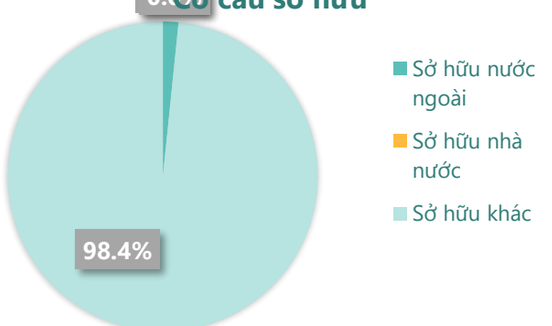
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,800 - 15,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
Số lượng CPLH (CP)	3,995,996
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	0.28
EPS	1,901
P/E	5.3

DT thuần
6T 2025
10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.74| 327%

LN thuần
6T 2025
0.30
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.14| 104%

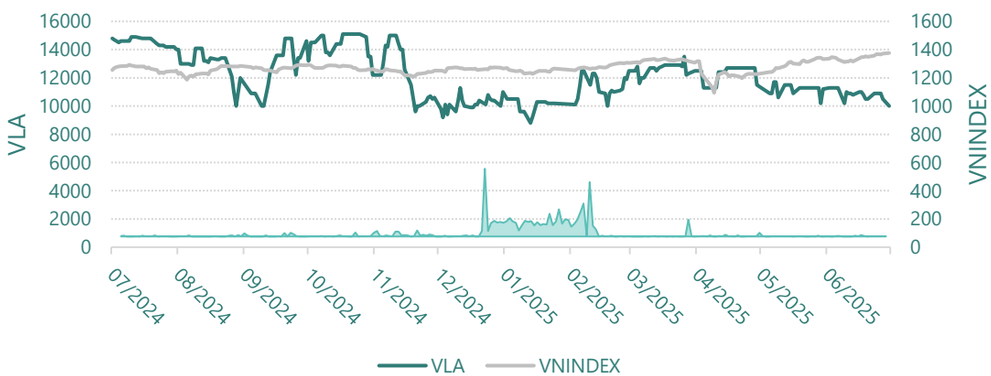
LN sau thuế
6T 2025
0.23
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.08| 103%

Cơ cấu sở hữu

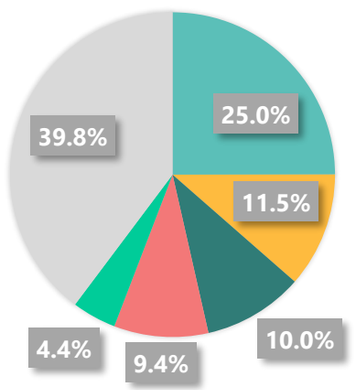


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

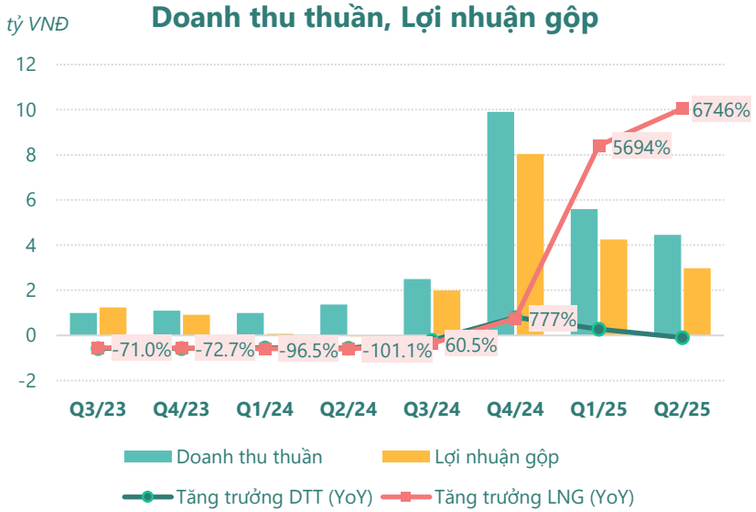


- Đặng Trọng Khang
- Nguyễn Thành Tiến (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Hữu Thuận (Giám đốc)
- Nguyễn Thu Hà (Phó Giám đốc)
- Trần Thị Thanh Hoa
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

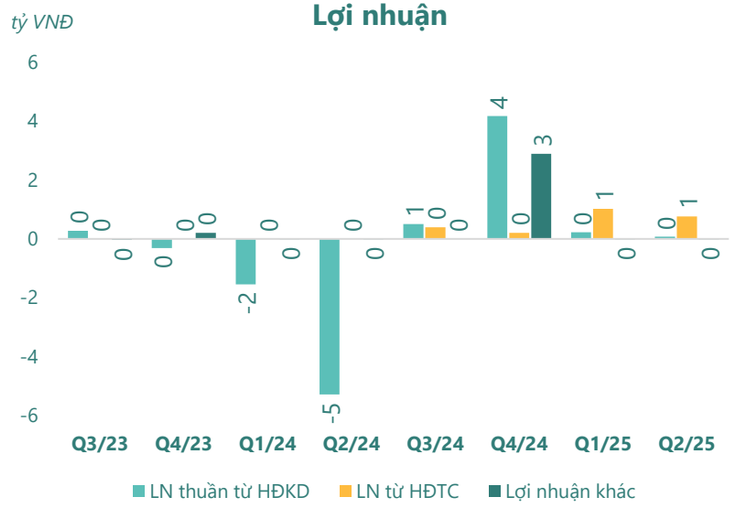
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



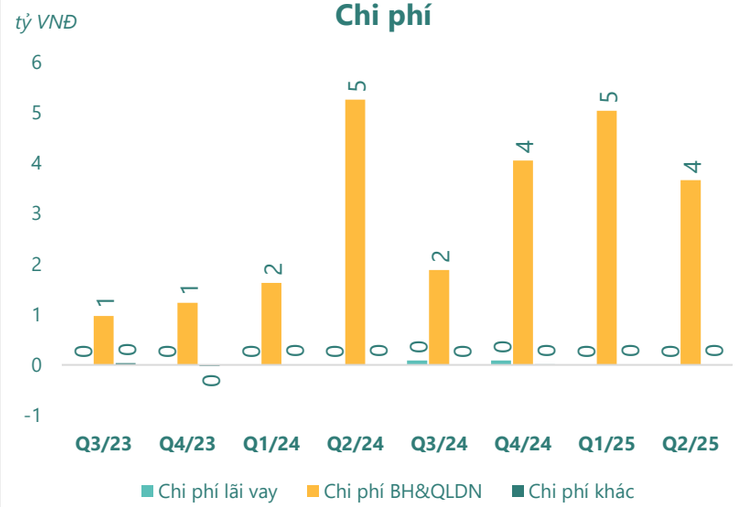
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



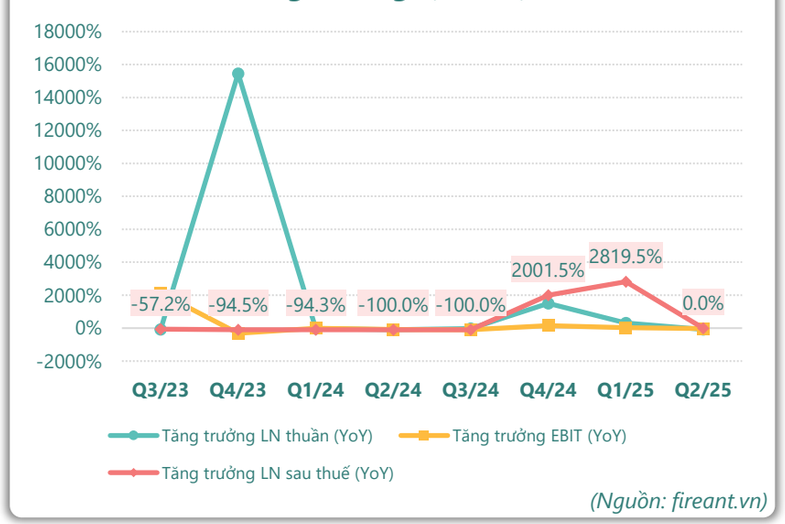
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



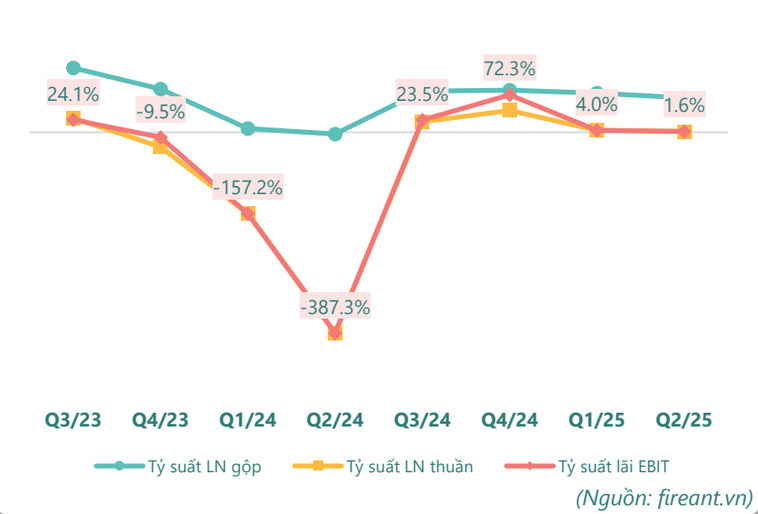
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



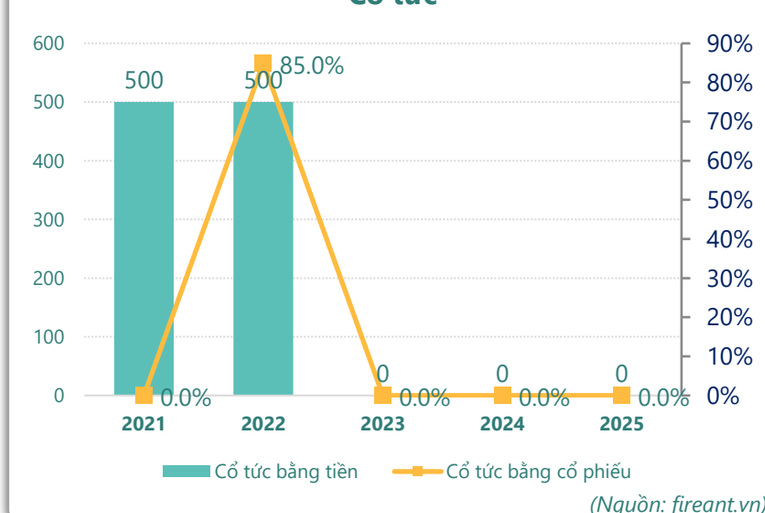
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

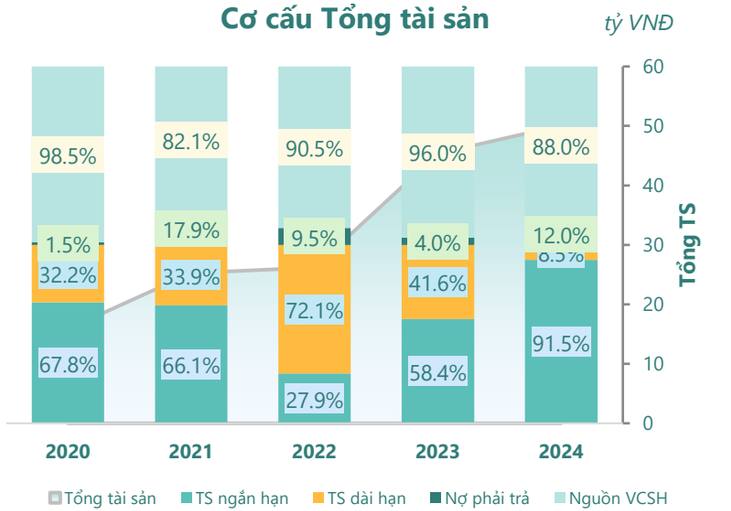
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

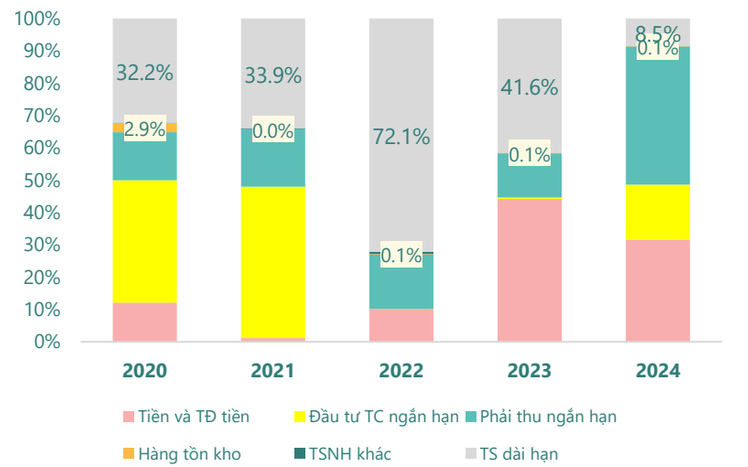
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



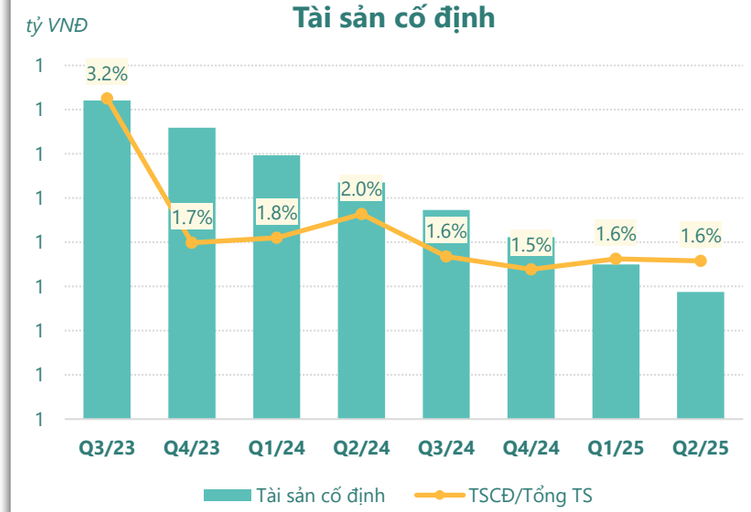
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



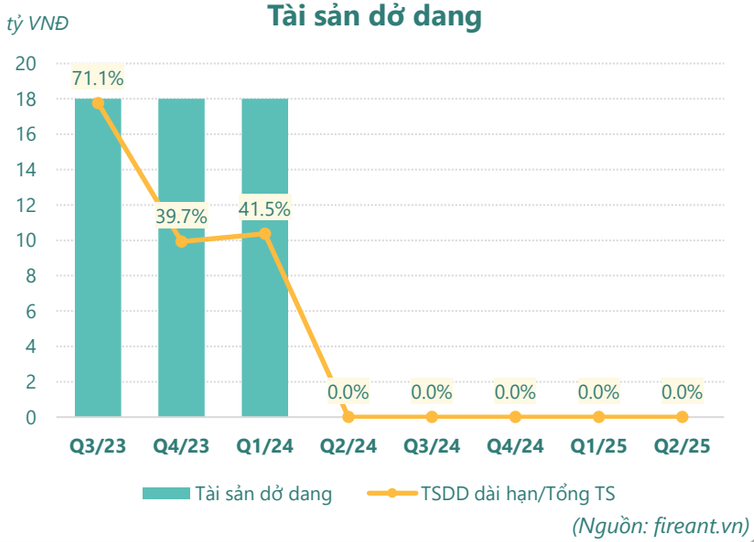
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



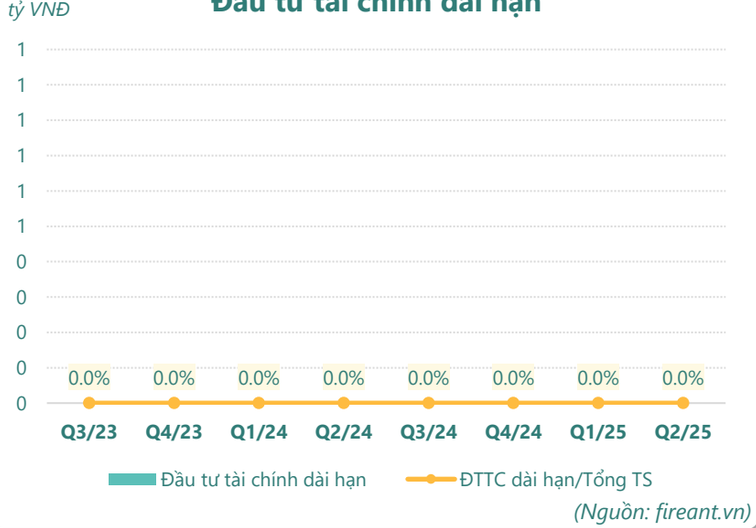
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



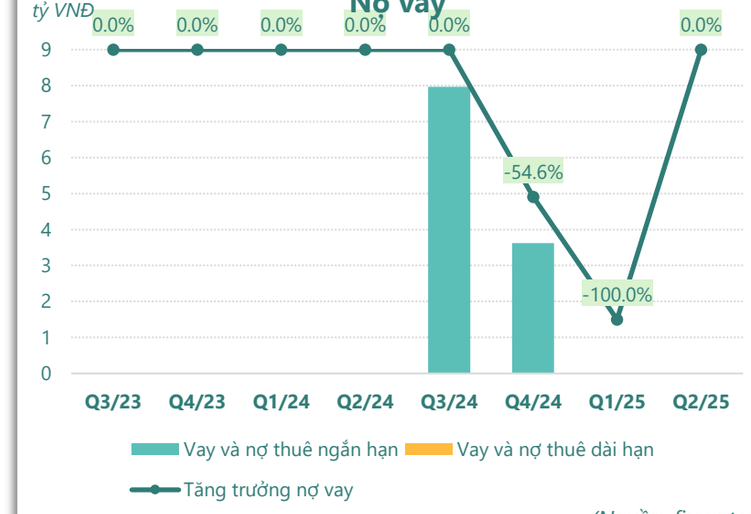
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

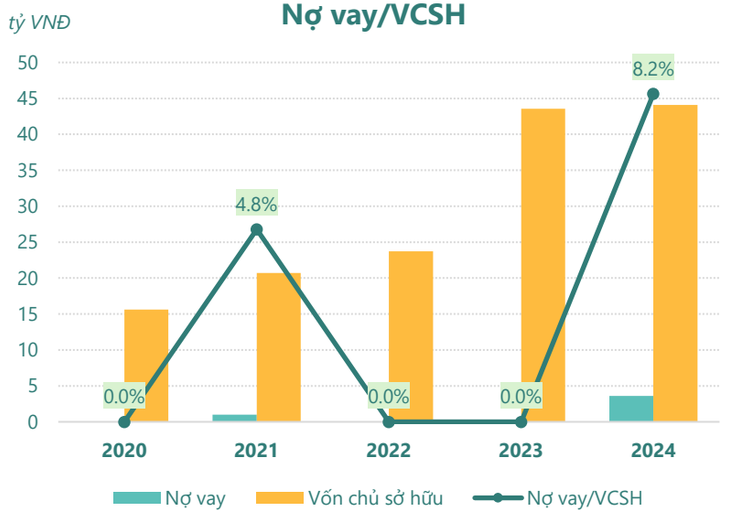
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

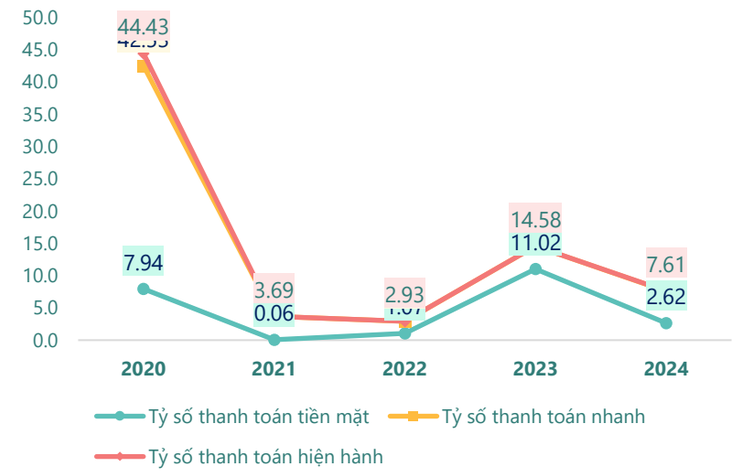
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



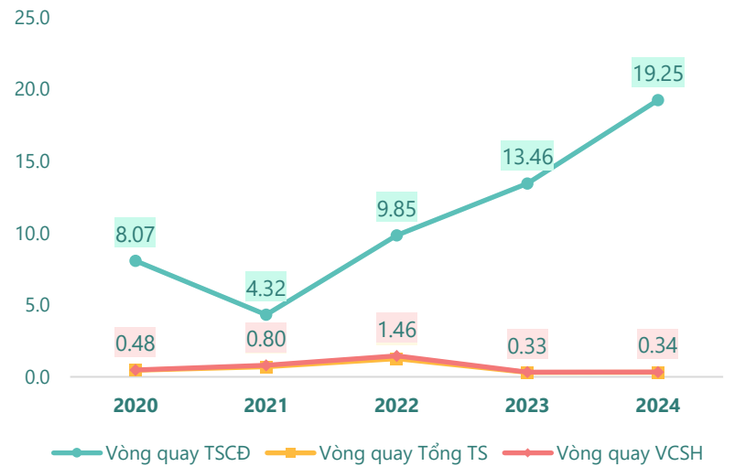
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



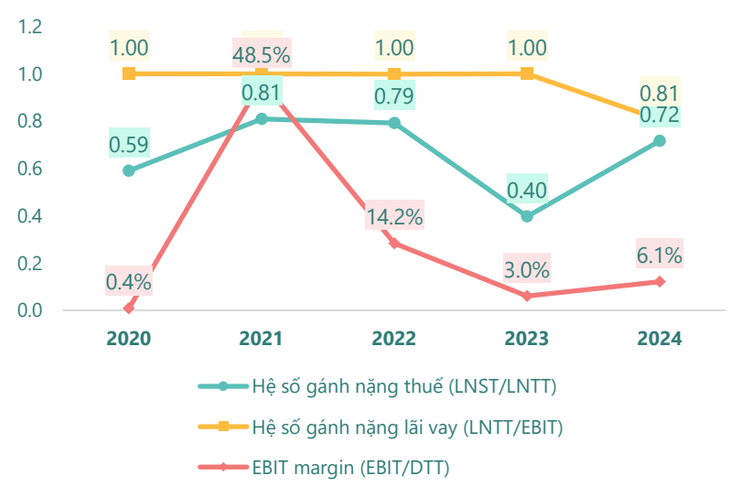
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



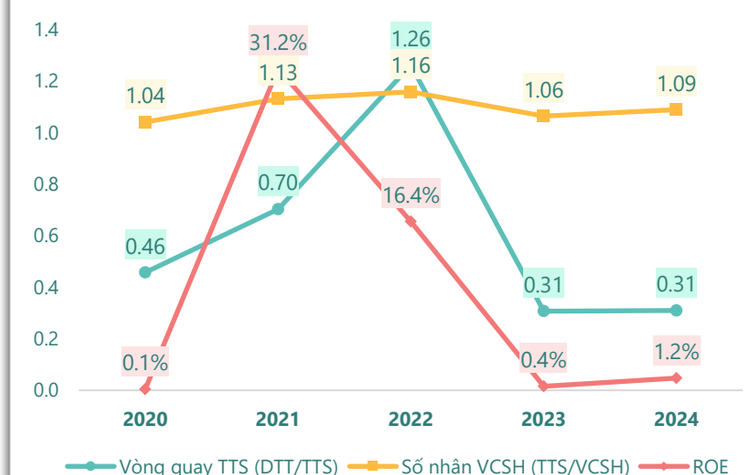
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



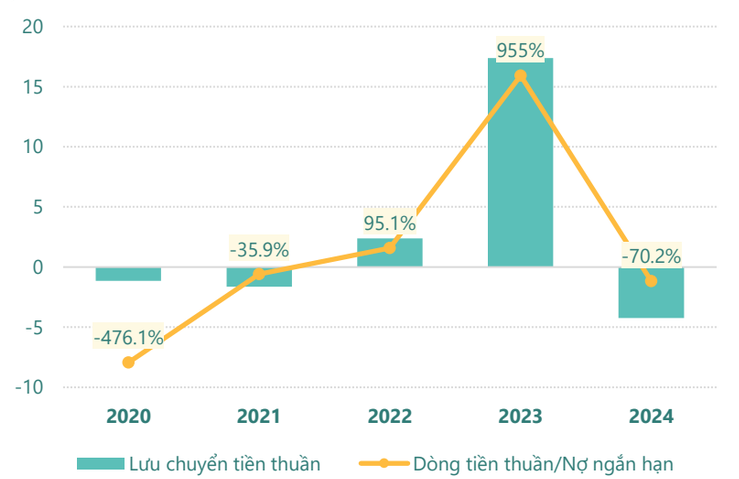
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.46**	**1.37**	**226%**	**10.1**	**2.36**	**327%**
Giá vốn hàng bán	1.48	1.41	5.1%	2.83	2.33	21.7%
Lợi nhuận gộp	2.98	-0.04	7544%	7.22	0.03	25269%
Doanh thu HĐTC	0.76	0.06	1169%	1.36	0.07	1932%
Chi phí TC	0	0.05	-100%	-0.43	0.05	-966%
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.00	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.11	4.42	-29.6%	7.50	5.38	39.5%
Chi phí QLDN	**0.55**	**0.84**	**-34.3%**	**1.20**	**1.51**	**-20.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.08	-5.29	101%	0.30	-6.84	104%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.01**	**45.5%**	**-0.01**	**-0.01**	**24.7%**
LN trước thuế	0.07	-5.30	101%	0.30	-6.85	104%
Lợi nhuận sau thuế	**0.05**	**-5.30**	**101%**	**0.23**	**-6.85**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.05**	**-5.30**	**101%**	**0.23**	**-6.85**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.38	-4.57	-7.54	12.3	1.17	0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.20	-5.99	-0.01	1.11	0	1.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	7.97	-4.35	-3.62	0
Tiền đầu kỳ	20.0	16.9	6.29	6.71	15.8	13.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.18**	**-10.6**	**0.42**	**9.10**	**-2.45**	**1.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.9	6.29	6.71	15.8	13.4	14.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**45.8**	**50.1**	**-8.5%**
Tài sản ngắn hạn	41.7	45.8	-9.1%
Tiền và tương đương tiền	14.6	15.8	-7.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	8.55	-100%
Phải thu ngắn hạn	27.0	21.4	26.1%
Hàng tồn kho	0.01	0.04	-86.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.03	44.7%
Tài sản dài hạn	**4.17**	**4.25**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	3.41	3.45	-1.0%
Tài sản cố định	0.72	0.74	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.04**	**0.05**	**-22.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.54	6.02	-74.4%
Nợ ngắn hạn	**1.54**	**6.02**	**-74.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.62	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.59	0.94	-37.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**44.3**	**44.1**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**44.3**	**44.1**	**0.5%**
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)